

Số: 07/2026/QĐST-VDS

Quảng Trị, ngày 11 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung”

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG TRỊ

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Hòa – Thư ký TAND khu vực 1 - Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị tham gia phiên họp:
Bà Dương Thị Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 34/2026/TLST-VDS ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*” theo Quyết định mở phiên họp số: 116/2026/QĐST – VDS ngày 18 tháng 5 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Huỳnh Thị Thùy D, sinh ngày 12/6/1992; CCCD số: 044192000632; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn D, xã B, tỉnh Quảng Trị; hiện đang cư trú tại: Tầng C, số G, ngõ F, đường T, quận V, thành phố Đ, Đà Loan.

- Anh Hoàng Nam H, sinh ngày 29/10/1976; CCCD số: 044076000458; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Cụm D, tổ dân phố F, phường Đ, tỉnh Quảng Trị; hiện đang cư trú tại: Tầng C, số G, ngõ F, đường T, quận V, thành phố Đ, Đà Loan.

Chị D, anh H đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung lập ngày 10/12/2025, chị Huỳnh Thị Thùy D và anh Hoàng Nam H thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thùy D và anh Hoàng Nam H qua quá trình tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện và đi đến đăng ký kết hôn vào ngày 21/7/2023 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị). Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống của địa phương. Thời gian đầu hai vợ chồng sống chung với nhau, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc cùng nhau xây dựng gia đình. Thời gian sau đó vì lý do kinh tế nên năm 2024 vợ chồng chị D, anh H qua Đài Loan xuất khẩu lao động. Do công việc bận rộn cũng như bất đồng quan điểm, anh chị thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn và xảy ra tranh cãi. Anh chị cùng cho rằng mặc dù hai bên đã cố gắng để hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai gia đình cũng đã nhiều lần can thiệp nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng xảy ra ngày càng gay gắt, trầm trọng và kéo dài, không ai quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng nữa. Chị D, anh H xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung đã mất, mục đích hôn nhân không đạt được. Để giải thoát cho nhau, nên cùng làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 đứa con chung là: Hoàng Châu A, sinh ngày: 07/9/2026. Chị D, anh H thống nhất, thỏa thuận sau khi ly hôn giao con chung cháu Châu A cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và cũng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị:

Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 21, khoản 2 Điều 29, Điều 367, Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của chị Huỳnh Thị Thùy D và anh Hoàng Nam H.

- Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Hoàng Châu A, sinh ngày: 07/9/2026 cho chị Huỳnh Thị Thùy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Châu A xin được ở với mẹ D, sau khi bố mẹ ly hôn. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

- Về lệ phí Tòa án: Áp dụng Điều 149 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc chị D và anh H phải chịu 300.000 đồng lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Theo đơn yêu cầu Công nhận thuận tình ly hôn của chị Huỳnh Thị Thùy D và anh Hoàng Nam H có xác nhận chứng thực của Văn phòng K tại Đ thì đây là việc dân sự có yếu tố nước ngoài nên Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.1] Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị nhận được bản tự khai và đơn xin vắng mặt của chị Huỳnh Thị Thùy D và anh Hoàng Nam H có xác nhận chứng thực của Văn phòng K tại Đ; căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên họp vắng mặt những người yêu cầu giải quyết việc dân sự theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:**

Chị Huỳnh Thị Thùy D và anh Hoàng Nam H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 21/7/2023 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị), giấy chứng nhận kết hôn số 43 theo đúng quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống vì lý do kinh tế nên năm 2024 vợ chồng chị D, anh H qua Đài Loan xuất khẩu lao động. Do công việc bận rộn cũng như bất đồng quan điểm, anh chị thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn và xảy ra tranh cãi. Anh chị cũng đã cố gắng để hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai gia đình cũng đã nhiều lần can thiệp nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng xảy ra ngày càng gay gắt, trầm trọng và kéo dài, không ai quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng nữa. Nay, anh chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên chị D, anh H có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị D, anh H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc thuận tình ly hôn giữa chị D, anh H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Tòa án căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn.

[2.2]. Về quan hệ nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Quá trình chung sống chị D, anh H có 01 con chung là: cháu Hoàng Châu A, sinh ngày: 07/9/2016. Chị D, anh H thống nhất, thỏa thuận sau khi ly hôn giao con chung cháu Châu A cho chị Huỳnh Thị Thùy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Tuy nhiên hiện nay chị D đang ở nước ngoài, cháu Châu A đang sinh sống với bà ngoại Đoàn Thị L, tại biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2026, bà Đoàn Thị L mẹ của chị D trình bày hiện nay cháu Châu A sống cùng với ông bà ngoại, để khỏi xáo trộn việc học hành của các cháu nên bà sẽ thay mặt mẹ cháu (chị D) nuôi cháu Châu A đến khi nào chị D về nước sẽ giao lại cho chị D nuôi. Vì vậy, giao cháu Hoàng Châu A, sinh ngày: 07/9/2016 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Châu A xin được ở với mẹ D sau khi bố mẹ ly hôn. Tạm giao cháu Hoàng Châu A cho bà Đoàn Thị L nuôi dưỡng, khi nào chị D về Việt Nam bà L sẽ có trách nhiệm giao cháu Hoàng Châu A cho chị D nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Huỳnh Thị Thùy D và anh Hoàng Nam H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh H trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[3]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

Căn cứ Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 35, 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chị Huỳnh Thị Thùy D và anh Hoàng Nam H phải chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Các đương sự không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát không được quyền kháng nghị theo quy định tại Điều 371 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, Điều 37, khoản 2 Điều 149, Điều 367; Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 474, Điều 475 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 35, 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Thùy D và anh Hoàng Nam H.

2. Về quan hệ nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Hoàng Châu A, sinh ngày: 07/9/2016 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Châu A xin được ở với mẹ D sau khi bố mẹ ly hôn. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị D, anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị Thùy D và anh Hoàng Nam H không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

4. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Huỳnh Thị Thùy D và anh Hoàng Nam H, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà chị D, anh H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E, số 0000295 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị D, anh H đã nộp đủ lệ phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND KV 1 - Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND P. Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị,
- Các đương sự;
- Sở tư pháp Quảng Trị;
- Công an P. Đồng Hới;
- Đảng Cộng TTĐTTA;
- Lưu HS; VP;

(Đã ký)**Nguyễn Thị Tuyết Minh**